

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THÚY

HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI
TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. Bùi Thị Huyền

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung
tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		Trang
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI VÀ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM	7		
1.1. Khái niệm, đặc điểm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển, ý nghĩa chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự	7		
1.1.1. Khái niệm chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam	7		
1.1.2. Đặc điểm chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự	9		
1.1.3. Cơ sở của chế định hòa giải trong tổ tụng dân sự	15		
1.1.4. Quá trình hình thành và phát triển của chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam	20		
1.1.5. Ý nghĩa của chế định hòa giải trong tổ tụng dân sự	29		
1.2. Khái niệm và các tiêu chí hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự	33		
1.2.1. Khái niệm hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự	33		
1.2.2. Các tiêu chí hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự	36		
Chương 2: CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH	44		
2.1. Nguyên tắc tiến hành hòa giải	44		
2.1.1. Hòa giải phải trên cơ sở sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự	44		
2.1.2. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội	46		
2.2. Phạm vi hòa giải	48		
2.2.1. Những vụ án dân sự không được hòa giải	48	2.2.2. Những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được	53
		2.3. Thành phần phiên hòa giải và nội dung hòa giải	58
		2.3.1. Thành phần phiên hòa giải	58
		2.3.2. Nội dung hòa giải	66
		2.4. Trình tự tiến hành phiên hòa giải	68
		2.5. Xử lý kết quả hòa giải	71
		Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM	85
		3.1. Thực tiễn áp dụng chế định hòa giải trong tổ tụng dân sự	85
		3.1.1. Về phạm vi hòa giải	86
		3.1.2. Về thành phần tham hòa giải không đúng quy định của pháp luật	87
		3.1.3. Nội dung hòa giải và quyết định công nhận sự thỏa thuận	90
		3.1.4. Thủ tục, trình tự hòa giải	97
		3.1.5. Kỹ năng tiến hành hòa giải của người tiến hành tổ tụng còn hạn chế	99
		3.2. Phương hướng hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự	101
		3.2.1. Bảo đảm nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự và các nguyên tắc khác của giao lưu dân sự, kinh tế trong điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	101
		3.2.2. Xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước phải bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền tự định đoạt của mình trong việc hòa giải các vụ việc dân sự	102
		3.2.3. Chế định hòa giải phải đảm bảo các tiêu chí về hoàn thiện chế định hòa giải, góp phần phát huy dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, củng cố khối đoàn kết cộng đồng, khơi dậy tình tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam	102
		3.2.4. Chế định hòa giải phải giản đơn, thuận lợi bảo đảm tiến hành hòa giải nhanh chóng, hiệu quả	103
		3.3. Các kiến nghị hoàn thiện chế định hòa giải và nâng cao hiệu quả của áp dụng chế định hòa giải	104
		3.3.1. Kiến nghị về hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam hiện hành	104
		3.3.2. Kiến nghị về thực hiện chế định hòa giải trong tổ tụng dân sự	111
		KẾT LUẬN	119
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	121

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, xã hội loài người là tổng thể các quan hệ xã hội đa dạng, phức tạp, đa chiều, đa lợi ích nên các mâu thuẫn, tranh chấp là một hiện tượng xã hội phổ biến, khách quan trong đời sống xã hội hàng ngày. Trong nhiều biện pháp giải quyết tranh chấp, hòa giải là một biện pháp quan trọng để giải quyết kịp thời các tranh chấp, hướng tới mục đích bình đẳng và hòa hợp trong các mối quan hệ xã hội. Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945 đã dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhà nước ta đã chú trọng, phát huy vai trò của hòa giải trong việc giải quyết các tranh chấp. Hòa giải đã trở thành một nguyên tắc, thủ tục tố tụng, một chế định trong pháp luật tố tụng dân sự (TTDS) nhằm đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự trong giải quyết tranh chấp và thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân.

Hiện nay, chế định hòa giải đã được quy định khá đầy đủ và chi tiết trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) 2004 và đã trở thành phương thức hữu hiệu khi giải quyết các vụ việc dân sự. Mặt khác, trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp đổi mới đất nước đang diễn ra sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thúc đẩy sự phát triển, đan xen giữa các giao lưu dân sự, kinh tế, các quan hệ dân sự đã có những thay đổi đáng kể và nhanh chóng cần có sự điều chỉnh phù hợp của pháp luật... Trong bối cảnh như vậy, BLTTDS nói chung và chế định hòa giải nói riêng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập; có những quy định mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác; có những quy định chưa phù hợp, chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau... và áp dụng chưa thống nhất, hạn chế hiệu quả của hoạt động hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự. Chính từ thực trạng đó đòi hỏi phải nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc và đầy đủ về chế định hòa giải trong pháp luật TTDS Việt Nam

nhằm góp phần hoàn thiện những quy định của pháp luật TTDS. Vì vậy, BLTTDS đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15/6/2004 và được sửa đổi, bổ sung năm 2011. So với BLTTDS, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều BLTTDS năm 2011 có nhiều sửa đổi, bổ sung, quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn giải quyết các vụ việc dân sự trong giai đoạn hiện nay.

Với nhận thức như vậy, tôi đã chọn đề tài "*Hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*" làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chế định hòa giải đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu lý luận và thực tiễn quan tâm. Nhiều công trình, bài viết khoa học nghiên cứu về hòa giải trong TTDS. Tuy nhiên, kể từ khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2011 có hiệu lực đến nay thì chưa có công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể về hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật TTDS. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần phải có sự nghiên cứu về hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật TTDS ở Việt Nam một cách toàn diện, đầy đủ, có hệ thống cả về lý luận và thực tiễn, nhằm nâng cao hiệu quả của việc hòa giải trong việc giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án.

3. Mục đích và nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

- Tìm hiểu một cách đầy đủ và có hệ thống các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam chế định hòa giải;

- Hiện nay, việc áp dụng chế định hòa giải còn rất nhiều bất cập đã làm cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể gặp nhiều khó khăn. Việc nghiên cứu, đánh giá mức độ hoàn thiện của chế định hòa giải và thực tiễn áp dụng chế định hòa giải trong TTDS chỉ ra những nội dung, những vấn đề còn thiếu sót, chưa phù hợp và những hạn chế từ việc áp dụng chế định hòa, đồng thời đề ra các kiến nghị để hoàn thiện chế định này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

- Những vấn đề lý luận về chế định hòa giải và hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật TTDS Việt Nam.

- Thực trạng chế định hòa giải trong pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành.
- Thực tiễn áp dụng và các kiến nghị hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật TTDS ở Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Khi nghiên cứu đề tài này, tác giả sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin, những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về cải cách tư pháp. Đồng thời, tác giả cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, như: phân tích, chứng minh, tổng hợp, diễn giải, hệ thống hóa, so sánh, đối chiếu, sử dụng các kết quả thống kê thực tiễn xét xử của ngành Tòa án.

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Luận giải những vấn đề lý luận về chế định hòa giải và hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật TTDS.
- Luận văn đã đi sâu nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về hòa giải. Làm sáng tỏ nguyên tắc, phạm vi, thành phần, nội dung, trình tự, thủ tục hòa giải và hiệu lực của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại Tòa án. Từ những nghiên cứu này, Luận văn đã chỉ ra những bất cập trong các quy định pháp luật và việc tổ chức thực hiện hòa giải vụ việc dân sự tại Tòa án.
- Góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật TTDS Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về chế định hòa giải và hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam

Chương 2: Chế định hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng và các kiến nghị hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI VÀ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đặc điểm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển, ý nghĩa chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự

1.1.1. Khái niệm chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam

Nhà nước bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của mọi chủ thể. Khi cá nhân, pháp nhân hay chủ thể khác có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm thì theo thủ tục do pháp luật quy định chủ thể đó được khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ. Khi các bên yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp, pháp luật luôn bảo đảm cho các đương sự có quyền tự quyết định các hành vi của mình phù hợp với quy định của pháp luật như: tự rút đơn khởi kiện, thay đổi nội dung khởi kiện, hòa giải, kháng cáo bản án và quyết định chưa có hiệu lực pháp luật... Trong đó, pháp luật luôn bảo đảm cho họ được thực hiện quyền tự định đoạt và tạo điều kiện để các đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ việc dân sự dưới sự giúp đỡ của Tòa án. Các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hòa giải các vụ việc dân sự trở thành chế định quan trọng của pháp luật TTDS.

Theo Từ điển Tiếng Việt do Nhà xuất bản từ điển Bách khoa (2008) thì: "Chế định là định ra, lập ra một phép tắc có hệ thống để ban hành".

Theo Từ điển Luật học thì: "Chế định pháp luật được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội trong phạm vi một ngành luật. Dưới góc độ pháp luật, hòa giải được coi là chế định pháp luật, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hòa giải các vụ việc dân sự.

Theo giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội thì: "Chế định pháp luật là một tập hợp được cấu trúc từ nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội có liên quan mật thiết với nhau thuộc cùng một loại".

Theo Từ điển Tiếng Việt do Trung tâm Ngôn ngữ học trực thuộc Viện Khoa học xã hội biên soạn (1992), "Hòa giải là việc thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hay xích mích một cách ôn hòa".

Từ những phân tích trên, chế định hòa giải là một trong những chế định của pháp luật TTDS, bao gồm tổng thể các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hòa giải vụ việc dân sự. Cụ thể hơn chế định hòa giải là tổng hợp các quy định pháp luật tổ tụng về nguyên tắc, phạm vi, thành phần, nội dung, trình tự thủ tục do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ việc phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

1.1.2. Đặc điểm chế định hòa giải trong pháp luật tổ tụng dân sự

1.1.2.1. Chế định hòa giải điều chỉnh hoạt động hòa giải do Tòa án tiến hành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, hoạt động hòa giải các vụ việc dân sự có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, hòa giải là một thủ tục bắt buộc đối với hầu hết vụ việc trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

Thứ hai, Tòa án là chủ thể trung gian tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Thứ ba, kết quả hòa giải thành là sự thỏa thuận của các đương sự

Thứ tư, hòa giải vụ việc dân sự được tiến hành theo trình tự, thủ tục do chế định hòa giải quy định.

1.1.2.2. Chế định hòa giải có mối liên hệ mật thiết với các chế định khác trong pháp luật tổ tụng dân sự, đặc biệt là chế định chuẩn bị xét xử.

- Mối quan hệ giữa chế định hòa giải với chế định khởi kiện và thụ lý vụ việc dân sự

- Mối quan hệ giữa chế định hòa giải với chế định chuẩn bị xét xử sơ thẩm

1.1.3. Cơ sở của chế định hòa giải trong tổ tụng dân sự

1.1.3.1. Cơ sở pháp lý

Pháp luật về hòa giải được Nhà nước ta quy định khá cụ thể trong các văn bản pháp luật và ngày càng hoàn thiện để phù hợp với chính sách pháp luật của Nhà nước nói chung, phù hợp với thực tế xét xử các vụ việc dân sự.

Chế định hòa giải vụ việc dân sự là một đặc trưng của pháp luật TTDS, được pháp luật TTDS quy định mà không được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự và tố tụng hành chính.

Việc quy định hòa giải là một thủ tục bắt buộc của Tòa án trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, xuất phát từ luật nội dung đó là trong quan hệ dân sự thì các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào áp đặt, cấm đoán, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào. Do đó, pháp luật TTDS quy định về chế định hòa giải nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể khi tiến hành hoạt động hòa giải nhằm xác định trách nhiệm của Tòa án trong việc giúp các đương sự thỏa thuận với nhau, tạo điều kiện để các đương sự thực hiện quyền tự định đoạt về giải quyết vụ việc dân sự.

1.1.3.2. Cơ sở thực tiễn

- *Chế định hòa giải là biện pháp truyền thống giải quyết có hiệu quả các vụ việc dân sự*

Chế định hòa giải được hình thành một cách khách quan trước yêu cầu của đời sống kinh tế, xã hội và chịu sự tác động sâu sắc của các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, tập quán trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử.

Để giải quyết tốt các mâu thuẫn thường ngày xảy ra trong đời sống xã hội, hòa giải đã được Nhà nước thừa nhận, được điều chỉnh bằng các quy định của pháp luật. Mọi quan hệ phát sinh trong quá trình hòa giải các vụ việc dân sự được pháp luật điều chỉnh.

Chế định hòa giải là một vấn đề nhất thiết phải được đặt ra trong TTDS và trở thành một chế định quan trọng trong pháp luật TTDS, điều đó vừa phù hợp với mục tiêu chính trị của Nhà nước, vừa phù hợp với truyền thống đạo đức của dân tộc.

- *Chế định hòa giải các vụ việc dân sự phù hợp xu thế chung của thời đại*

Trong điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế diễn ra mạnh mẽ, giao lưu dân sự kinh tế ngày càng phát triển đa dạng, đan xen và phức tạp, việc giải quyết các tranh chấp nói chung và các vụ việc dân sự nói riêng bằng biện pháp hòa giải đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng để giải quyết hòa bình, thân thiện các tranh chấp, góp phần bảo đảm cho các quan hệ dân sự, kinh tế phát triển ổn định và bền vững.

Ở Việt Nam, hòa giải không chỉ là một biện pháp truyền thống giải quyết có hiệu quả các vụ việc dân sự, mà còn là một biện pháp giải quyết các vụ việc dân sự phù hợp với xu thế chung của thời đại, tạo dựng lòng tin trong giao lưu dân sự, kinh tế khu vực và quốc tế.

1.1.4. Quá trình hình thành và phát triển của chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989

1.1.4.2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2005

1.1.4.3. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay

BLTTDS năm 2004 được ban hành và được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS 2011 là một sự kiện quan trọng trong đời sống pháp luật Việt Nam, đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật TTDS. BLTTDS đã có rất nhiều các quy định về hòa giải, nó tạo cơ sở pháp lý mới cho Tòa án trong việc hòa giải các vụ việc dân sự. Tuy nhiên, Luật sửa đổi, bổ sung chưa quy định chế định hòa giải thành một chương riêng độc lập, các quy định hòa giải nằm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm mà chỉ bổ sung một số Điều luật liên quan đến hòa giải cụ thể: Điều 184 về thành phần phiên hòa giải; Điều 185a về phương thức hòa giải. Chế định hòa giải đã được kế thừa và hoàn thiện khắc phục những tồn tại và bất cập của các quy định về hòa giải vụ việc dân sự, hoàn thiện hơn về trình tự, thủ tục hòa giải các vụ việc dân sự nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra.

1.1.5. Ý nghĩa của chế định hòa giải trong tố tụng dân sự

1.1.5.1. Ý nghĩa đối với Tòa án

1.1.5.2. Ý nghĩa đối với các đương sự

1.1.5.3. Ý nghĩa về mặt xã hội

1.2. Khái niệm và các tiêu chí hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự

1.2.1. Khái niệm hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự

Việc hoàn thiện chế định hòa giải là nhằm khắc phục những vướng mắc, tồn tại trong các quy định hiện hành về hòa giải các vụ việc dân sự. Hoàn

thiện chế định hòa giải là phải có đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về hòa giải như: nguyên tắc hòa giải, thành phần hòa giải, nội dung, trình tự, thủ tục... Tất cả các quy định về hòa giải cũng nhằm điều chỉnh các hoạt động hòa giải của Tòa án, thiết lập một trật tự pháp luật với một cơ chế điều chỉnh phù hợp, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho Tòa án và đương sự trong quá trình hòa giải.

Từ những phân tích trên, hoàn thiện chế định hòa giải là việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật TTDS về nguyên tắc, phạm vi, thành phần, thủ tục do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ việc dân sự được toàn diện, thống nhất, đồng bộ, phù hợp, có tính kỹ thuật pháp lý và khả thi.

1.2.2. Các tiêu chí hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự

1.2.2.1. Tính thống nhất, đồng bộ

- Chế định hòa giải thống nhất giữa các quy định của BLTTDS và các văn bản hướng dẫn về hòa giải vụ việc dân sự.

- Chế định hòa giải thống nhất giữa các quy định của BLTTDS và các văn bản hướng dẫn thi hành với các văn bản pháp luật khác liên quan đến hòa giải.

Tính đồng bộ của hệ thống pháp luật còn thể hiện việc ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết các văn bản, quy định pháp luật trong những trường hợp cần có sự quy định chi tiết, để khi văn bản pháp luật có hiệu lực thì nó cũng đã có đủ các điều kiện để có thể được tổ chức thực hiện ngay trên thực tế.

1.2.2.2. Tính toàn diện

Tính toàn diện của chế định hòa giải đòi hỏi phải có đầy đủ các quy định phù hợp với đặc trưng của hòa giải vụ việc dân sự và thể hiện thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương ứng, đồng thời trong chế định phải đầy đủ các quy định cần thiết.

Chế định hòa giải có tính toàn diện thể hiện ở cấu trúc hình thức của nó, nghĩa là chế định hòa giải phải quy định và điều chỉnh được các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình Tòa án hòa giải vụ việc dân sự, có đầy đủ các quy định để điều chỉnh hòa giải đối với vụ án dân sự và hòa giải đối với việc dân sự.

1.2.2.4. Tính phù hợp

Tính phù hợp của chế định hòa giải phải luôn có sự tương quan với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chế định hòa giải phải phù hợp với tính chất giải quyết vụ việc dân sự.

Chế định hòa giải phải phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Chế định hòa giải còn phải phù hợp với mục đích và yêu cầu của việc hòa giải là muốn giải quyết nhanh, dứt điểm các vụ việc dân sự.

1.2.2.5. Tính trình độ kỹ thuật pháp lý cao

Ngôn ngữ được sử dụng trong chế định phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo tính cô đọng, logic, một nghĩa, dễ hiểu, phù hợp với khả năng nhận thức của nhân dân góp phần tạo điều kiện cho nhân dân dễ hiểu và áp dụng.

1.2.2.6. Tính hiệu quả

Chế định hòa giải phải tiên liệu được các tình huống xảy ra trong tương lai, phải đi vào cuộc sống, phải làm cho nhân dân nắm được một cách đầy đủ và hiểu được nội dung của chế định hòa giải được ban hành.

Tính khả thi của chế định hòa giải còn thể hiện ở việc các quy định về hòa giải phải được ban hành đúng lúc, kịp thời đáp ứng những nhu cầu cuộc sống đồng thời phải phù hợp với cơ chế thực hiện và áp dụng pháp luật hiện hành, điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước...

Từ những phân tích nêu trên cho thấy các tiêu chí đánh giá chế định hòa giải trong TTDS không tách rời nhau, luôn tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất, tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Nếu chỉ nhấn mạnh đến việc điều chỉnh một mặt nào đó của chế định hòa giải trong TTDS sẽ làm giảm đi hiệu lực và hiệu quả của nó.

Kết luận chương 1

Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chế định hòa giải, có thể rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, Hòa giải là thủ tục tố tụng bắt buộc đối với hầu hết các vụ việc dân sự trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

Thứ hai, trên cơ sở làm rõ khái niệm, tính chất, đặc điểm mối quan hệ của chế định hòa giải với các chế định khác, cơ sở, quá trình hình thành phát triển của chế định hòa giải, đặc biệt là xây dựng được các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chế định. Việc đánh giá mức độ hoàn thiện của chế định hòa giải phải được đánh giá cả về mặt nội dung và hình thức của chế định. Thông qua đó nhằm tiếp tục duy trì và hoàn thiện chế định hòa giải trong TTDS nhằm giải quyết nhanh chóng vụ việc dân sự.

Chương 2

CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI

TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1 Nguyên tắc tiến hành hòa giải

2.1.1. Hòa giải phải trên cơ sở sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự

Điểm a khoản 2 Điều 180 BLTTDS thì việc hòa giải phải thể hiện ở hai nội dung: Tự nguyện tham gia hòa giải và tự nguyện thỏa thuận nội dung giải quyết vụ án.

2.1.2. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Pháp luật tôn trọng và bảo vệ quyền tự do thỏa thuận của mỗi cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, nếu thỏa thuận trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội, cũng đồng nghĩa với việc thỏa thuận của các bên đang xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của người thứ ba và của cộng đồng xã hội thì nội dung thỏa thuận đó sẽ không được pháp luật bảo vệ.

Theo Điều 311 BLTTDS thì việc hòa giải đối với việc dân sự cũng được thực hiện theo những nguyên tắc này nhằm bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của các bên.

Theo quy định của Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 180 BLTTDS nội dung thỏa thuận của đương sự không được trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nhưng theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 122 BLDS có hiệu lực pháp luật quy

định: "*Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội*". Như vậy, ở hai khái niệm này đã có sự không thống nhất giữa BLTTDS và BLDS năm 2005 về nguyên tắc tiến hành hòa giải vụ án dân sự. Vì thế, cần sửa đổi các quy định của BLTTDS về nguyên tắc hòa giải cho phù hợp với quy định của Điều 122 BLDS năm 2005.

Tuy nhiên, các nguyên tắc hòa giải được quy định tại Điều 180 BLTTDS chưa bao quát hết được các tình huống xảy ra. Vì vậy, cần bổ sung thêm nội dung của nguyên tắc tiến hành hòa giải và sửa nguyên tắc hòa giải cho phù hợp với Điều 122 Bộ luật Dân sự.

2.2. Phạm vi hòa giải

Theo quy định của điều 180 BLTTDS thì phạm vi hòa giải vụ việc dân đó là những tranh chấp, những yêu cầu được quy định tại Điều 25 đến Điều 32 BLTTDS đều phải tiến hành hòa giải trừ những vụ án không được hòa giải và những vụ án không tiến hành hòa giải được.

2.2.1. Những vụ án dân sự không được hòa giải

Tại Điều 181 BLTTDS, những vụ án không được tiến hành hòa giải:

Thứ nhất, yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước.

Thứ hai, những vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội.

Hiện nay, các quy định về hòa giải trong TTDS, không có quy định về những việc dân sự không được hòa giải. Điều này dẫn đến sự lúng túng trong thực tiễn áp dụng đối với việc hòa giải đối với việc dân sự. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần có văn bản hướng dẫn cụ thể, bổ sung quy định về phạm vi hòa giải đối với việc dân sự để đảm bảo việc thực hiện pháp luật được dễ dàng, thống nhất.

2.2.2. Những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

Theo quy định tại Điều 182 BLTTDS Tòa án không cần tiến hành hòa giải, bao gồm:

- Tòa án triệu tập hợp lệ đương sự lần hai mà vẫn cố tình vắng mặt.
- Đương sự không thể tham gia hòa giải được vì lý do chính đáng.

- Đương sự là vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự.

Hiện nay, BLTTDS không có quy định về những việc dân sự không hòa giải được.

2.3. Thành phần phiên hòa giải và nội dung hòa giải

2.3.1. Thành phần phiên hòa giải

Điều 184 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều BLTTDS năm 2011 quy định thành phần phiên hòa giải gồm:

2.3.1.1. Chủ thể tiến hành hòa giải.

Khoản 1 và 2 Điều 184 BLTTDS, người tiến hành hòa giải bao gồm: *Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải; Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.*

2.3.1.2. Chủ thể tham gia hòa giải

Điều 184 BLTTDS 2004 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều BTLDS năm 2011 quy định thành phần tham gia phiên hòa giải bao gồm:

- *Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự.*

Để đảm bảo sự có mặt của các đương sự khi tiến hành hòa giải, Tòa án phải triệu tập các đương sự hoặc người đại diện của họ tham gia hòa giải. Nếu đương sự vắng mặt thì Tòa án xử lý trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải như sau: Đối với trường hợp đương sự vắng mặt lần thứ nhất dù có lý do chính đáng hay không chính đáng hoặc khi đương sự vắng mặt lần thứ hai vì sự kiện bất khả kháng thì Tòa án sẽ ra quyết định hoãn phiên hòa giải. Đối với trường hợp đương sự vắng mặt khi được Tòa án triệu tập lần thứ hai thì:

+ Trường hợp nguyên đơn vắng mặt: Trong trường hợp Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn đến lần thứ hai tham gia hòa giải mà nguyên đơn vắng mặt, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng thì Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ vụ án (điểm e Khoản 1 Điều 192 BLTTDS). BLTTDS không quy định trong trường hợp có nhiều nguyên đơn vắng mặt khi hòa giải thì sự vắng mặt của nguyên đơn không vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy, pháp luật về hòa giải cần hướng dẫn cụ thể nội dung trên.

+ Trường hợp vắng mặt bị đơn: Nếu bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt thì sẽ thuộc trường hợp vụ án

không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 182 BLTTDS. Trong trường hợp này, Tòa án sẽ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, nếu bị đơn vắng mặt lần thứ nhất thì Tòa án sẽ phải hoãn phiên hòa giải. Nếu triệu tập họp lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng thì dù có lý do chính đáng hay không, Tòa án sẽ quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. BLTTDS không quy định đối với trường hợp có nhiều bị đơn, trường hợp có nhiều bị đơn trong một vụ án thì việc vắng mặt của bị đơn khi Tòa án triệu tập hòa giải đến lần thứ hai. Vì vậy, pháp luật về hòa giải cần hướng dẫn cụ thể nội dung trên.

- Trường hợp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Tại điểm b Điều 61 BLTTDS quy định: "người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể có yêu cầu độc lập hoặc tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc với bên bị đơn". Nhưng, chế định hòa giải hiện hành chưa có quy định cụ thể việc xử lý đối với trường hợp người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt khi hòa giải vụ việc dân sự. Vì vậy, pháp luật về hòa giải cần hướng dẫn cụ thể nội dung trên.

Bên cạnh đó, phiên hòa giải còn có sự tham gia của các chủ thể khác. Khoản 4 Điều 184 Luật sửa đổi bổ sung một số điều BLTTDS năm 2011 quy định: Thẩm phán có thể yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia phiên hòa giải trong trường hợp cần thiết như: làm chứng, người giám định hoặc các cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Viện kiểm sát...

2.3.2. Nội dung hòa giải

Theo Điều 185 BLTTDS về nội dung hòa giải thực chất là nội dung trình tự của hòa giải. Còn nội dung tiến hành hòa giải chính là nội dung tranh chấp của các đương sự. Song vấn đề nội dung hòa giải lại thuộc phạm vi xét xử sơ thẩm. Do BLTTDS không quy định cụ thể nội dung hòa giải nên thực tế dẫn đến việc công nhận sự thỏa thuận của đương sự không đúng. Vì vậy, theo tôi cần nhập nội dung Điều 185 vào Điều 185a về trình tự hòa giải, đồng thời quy định lại điều 185 về nội dung hòa giải.

2.4. Trình tự tiến hành phiên hòa giải

BLTTDS 2004 chưa có quy định về trình tự hòa giải nên thực tiễn áp dụng tại Tòa án không thống nhất. Khắc phục hạn chế trên, Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều BLTTDS 2011 đã bổ sung một điều luật mới quy định riêng về trình tự hòa giải được quy định tại 185a và tại Điều 19 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 hướng dẫn cụ thể về trình tự hòa giải quy định tại Điều 185 của BLTTDS.

2.5. Xử lý kết quả hòa giải

- Thủ tục áp dụng trong trường hợp hòa giải không thành.

Trong trường hợp hòa giải không thành nhưng có các căn cứ đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại Điều 189 và Điều 192 BLTTDS thì Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án tương ứng với từng trường hợp. Nếu không có các căn cứ tạm đình chỉ và đình chỉ vụ án thì Tòa án sẽ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thủ tục áp dụng trong trường hợp hòa giải thành một phần.

Theo khoản 3 Điều 21 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP thì Trong trường hợp các đương sự chỉ thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết một phần vụ án, còn phần khác không thỏa thuận được, thì Tòa án ghi những vấn đề mà các đương sự thỏa thuận được và những vấn đề không thỏa thuận được vào biên bản hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 186 của BLTTDS và tiến hành ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, trừ trường hợp có căn cứ để tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc giải quyết vụ án. Theo quan điểm của tôi, cần xác định rõ trách nhiệm của đương sự thỏa thuận được độc lập với vấn đề mà đương sự không thỏa thuận được thì cần quy định theo hướng Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự và chỉ đưa ra xét xử đối với những vấn đề mà đương sự không thỏa thuận được.

- Thủ tục áp dụng trong trường hợp hòa giải thành toàn bộ.

Trong trường hợp các bên hòa giải thành, nghĩa là các bên thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án và án phí thì Tòa án sẽ lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên, biên bản hòa giải thành này chưa có hiệu lực pháp luật mà chỉ ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Sự thỏa thuận của các bên sẽ có hiệu lực ràng buộc các bên sau khi Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Như vậy, Tòa án sẽ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

Thứ nhất, các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Thứ hai, các bên không thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận theo hướng phản đối thỏa thuận đã lập.

Tuy nhiên, theo quy định khoản 3 Điều 187 BLTTDS và Khoản 3 Điều 17 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP đối với vụ án có nhiều đương sự và có đương sự vắng mặt trong phiên hòa giải và các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trong trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản. Trường hợp đương sự đồng ý với kết quả hòa giải thì ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải được xác định là ngày các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Từ những phân tích trên cho thấy, BLTTDS quy định khá đầy đủ về việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (QĐCNTT) nhưng quy định này vẫn còn bộc lộ một số hạn chế:

Thứ nhất, BLTTDS hiện hành không có quy định cụ thể về thủ tục giải quyết trong trường hợp các đương sự có thay đổi ý kiến sau khi Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành.

Thứ hai, đối với trường hợp trong vụ án có nhiều đương sự, mà có đương sự vắng mặt nhưng các đương sự có mặt vẫn tiến hành hòa giải và các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án thì thời hạn lấy ý kiến của đương sự vắng mặt và ra QĐCNTT chưa được Điều 187 BLTTDS quy định dẫn đến có các cách hiểu và áp dụng khác nhau.

Thứ ba, Khoản 2 Điều 187 BLTTDS: "Thẩm phán chỉ ra QĐCNTT nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án". Do đó, khi vụ án được giải quyết ở Tòa án, việc Tòa án có thể hòa giải được giữa các đương sự là việc làm vô cùng khó khăn.

Thứ tư, Tòa án ra QĐCNTT trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 179 của BLTTDS còn nhiều cách hiểu khác nhau. Do vậy, để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, các cơ quan có thẩm quyền xem xét hướng dẫn về vấn đề này kịp thời.

Thứ năm, hòa giải về phương thức thực hiện thỏa thuận của các đương sự.

Khoản 2 Điều 187 của BLTTDS: Thẩm phán chỉ được ra QĐCNTT thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Trong các QĐCNTT hiện nay, Tòa án chỉ hòa giải giữa các đương sự về số lượng, tức số tiền tài sản phải thanh toán với nhau, chứ không hòa giải về cách thức thanh toán số tiền tài sản đó như thế nào. Xung quanh vấn đề này còn có nhiều quan điểm khác nhau. Do vậy, để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, tôi kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét hướng dẫn về vấn đề này kịp thời.

Kết luận chương 2

1. Chế định hòa giải quy định những nguyên tắc tiến hành hòa giải, quy định về phạm vi, thành phần, nội dung, trình tự thủ tục tiến hành hòa giải vụ việc dân sự là cơ sở pháp luật để tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự.

2. Chế định hòa giải còn nhiều hạn chế như sau:

Về hình thức chế định hòa giải: Hệ thống các quy phạm pháp luật của chế định chưa được xây dựng ở một trình độ pháp lý cao, chưa được xây dựng thành một chương độc lập làm ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tổ chức thực hiện chế định.

Về nội dung chế định hòa giải: Còn thiếu các quy định về hòa giải đối với việc dân sự gây khó khăn đến quá trình giải quyết việc dân sự, dẫn đến còn lúng túng khi Tòa án tiến hành hòa giải việc dân sự.

Các quy định về nguyên tắc hòa giải, thành phần hòa giải, nội dung, trình tự thủ tục hòa giải, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự còn có nhiều bất cập, mâu thuẫn cần phải hoàn thiện. Ngoài ra, để góp phần cho chế định hòa giải đi vào đời sống thì cần phải tiếp tục nghiên cứu thực tiễn áp dụng của chế định này.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ CÁC KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

3.1. Thực tiễn áp dụng chế định hòa giải trong tố tụng dân sự

3.1.1. Về phạm vi hòa giải

Tòa án đã tiến hành hòa giải đối với tranh chấp là tài sản Nhà nước

3.1.2. Về thành phần tham hòa giải không đúng quy định của pháp luật

- Hòa giải không có mặt đầy đủ các đương sự trong vụ án
- Không xác định tư cách, phạm vi, quyền hạn của những người đại diện được đương sự ủy quyền tham gia hòa giải
- Người tiến hành hòa giải không phải là Thẩm phán được giao giải quyết vụ án:

3.1.3. Nội dung hòa giải và Quyết định công nhận sự thỏa thuận.

- Ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự không có sự đồng ý bằng văn bản của đương sự vắng mặt.
- Ra quyết định sự thỏa thuận của các đương sự không đúng.
- Nội dung thỏa thuận chia tài sản của vợ chồng có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhưng Tòa án vẫn công nhận sự thỏa thuận.
- Nội dung thỏa thuận trái với quy định của pháp luật.
- Quyết định công nhận sự thỏa thuận trái với sự thể hiện có hành vi gian dối, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, vi phạm Điều 180 BLTTDS.
- Nội dung biên bản và nội dung quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự không thống nhất.

3.1.4 Thủ tục, trình tự hòa giải

- Biên bản hòa giải thiếu chữ ký của đương sự tham gia hòa giải.
- Vi phạm thời hạn ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận
- Tồn tại trong việc chưa thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự.

3.1.5. Kỹ năng tiến hành hòa giải của người tiến hành tố tụng còn hạn chế

- Một số tòa án chưa quan tâm đúng mức đến công tác hòa giải, tiến hành một cách phiến diện, hình thức.
- Hòa giải đôi khi chưa chú ý đến phong tục tập quán của từng vùng, dân tộc:
- Kỹ năng hòa giải của một số Thẩm phán còn hạn chế.

3.2. Phương hướng hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự

3.2.1. Bảo đảm nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự và các nguyên tắc khác của giao lưu dân sự, kinh tế trong điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.2.2. Xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước phải bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền tự định đoạt của mình trong việc hòa giải các vụ việc dân sự.

3.2.3. Chế định hòa giải phải đảm bảo các tiêu chí về hoàn thiện chế định hòa giải, góp phần phát huy dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, củng cố khối đoàn kết cộng đồng, khơi dậy tình tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam.

3.2.4. Chế định hòa giải phải giản đơn, thuận lợi bảo đảm tiến hành hòa giải nhanh chóng, hiệu quả.

3.3. Các kiến nghị hoàn thiện chế định hòa giải và nâng cao hiệu quả của áp dụng chế định hòa giải

3.3.1. Kiến nghị về hoàn thiện chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự hiện hành.

- Quy định thành 01 chương riêng đối với hòa giải trong TTDS và bổ sung các quy định về hòa giải đối với việc dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự.
- Bổ sung và sửa đổi nguyên tắc tiến hành hòa giải
- + Bổ sung nguyên tắc hòa giải phải vừa tích cực vừa kiên trì, mềm dẻo
- + Bổ sung nguyên tắc bình đẳng, trung thực

+ Bổ sung nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, lợi ích của các chủ thể khác và lợi ích của Nhà nước.

+ Sửa đổi nguyên tắc: Nội dung của sự thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc đạo đức xã hội.

- *Phạm vi hòa giải.*

+ Đối với những vụ việc không tiến hành hòa giải được: Khoản 1, 2 Điều 182 BLTTDS, theo tôi cần sửa đổi theo hướng: Tòa án đã triệu tập bị đơn đến lần thứ hai mà bị đơn vắng mặt không vì trở ngại khách quan để phù hợp với Điều 199 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều BLTTDS năm 2011.

+ Phạm vi hòa giải đối với việc dân sự: Cần bổ sung thêm điều luật về phạm vi hòa giải đối với việc dân sự.

- *Về thành phần hòa giải.*

Thứ nhất, Để đảm bảo sự thống nhất giữa Khoản 3 Điều 64 và Điều 184 BLTTDS, cần bổ sung thêm thành phần tham gia hòa giải đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Thứ hai, BLTTDS cần quy định đối với trường hợp vụ án có nhiều đương sự nhưng khi Tòa án triệu tập tham gia hòa giải thì một hoặc một số đương sự vắng mặt.

- *Về nội dung hòa giải.*

Theo tôi quy định lại Điều 185 về nội dung hòa giải trong đó quy định nội dung đó chính là nội dung tranh chấp của các đương sự và nhập nội dung Điều 185 BLTTDS vào Điều 185a về trình tự hòa giải.

- *Thủ tục hòa giải*

Thứ nhất, Bổ sung quy định: trong trường hợp các đương sự thay đổi thỏa thuận ban đầu bằng một thỏa thuận mới thì Thẩm phán tiếp tục lập biên bản về sự thỏa thuận lại giữa các bên đương sự. Đương sự chỉ có quyền thay đổi thỏa thuận trong trường hợp này một lần. Nếu tiếp tục thay đổi thì Tòa án sẽ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thứ hai, BLTTDS cần quy định đối với trường hợp trong vụ án có nhiều đương sự, mà có đương sự vắng mặt nhưng có đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau

về việc giải quyết vụ án thì thời hạn lấy ý kiến của đương sự vắng mặt là 30 ngày, kể từ ngày Tòa án lập biên bản hòa giải và Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự khi hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày có ý kiến bằng văn bản của đương sự vắng mặt. Đối với trường hợp đương sự vắng mặt ở nước ngoài thì thời hạn lấy ý kiến của đương sự vắng mặt được thực hiện theo thủ tục ủy thác tư pháp.

Thứ ba, đối với trường hợp các đương sự có một sự thỏa thuận về một phần của vụ án và phần thỏa thuận của đương sự độc lập với các phần khác của vụ án thì Tòa án vẫn quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần này, quyết định có hiệu lực pháp luật ngay.

Thứ tư, về thủ tục hòa giải đối với việc thuận tình ly hôn.

Việc quy định thủ tục giải quyết việc dân sự nói chung và thuận tình ly hôn nói riêng tách khỏi thủ tục thông thường nhằm đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm cho đương sự và Nhà nước. Do đó, đối với trường hợp hòa giải đoàn tụ việc thuận tình ly hôn không thành (các đương sự là thống nhất ly hôn, thỏa thuận được về nuôi con, tài sản) thì Tòa án sẽ lập biên bản hòa giải thành, biên bản thỏa thuận của các đương sự về nhân thân, tài sản, con. Hết bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến thì Tòa án sẽ ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

Trường hợp các bên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản sau ly hôn; yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 BLTTDS, nhưng sau khi Tòa án thụ lý và trong quá trình giải quyết việc dân sự nếu một hoặc các bên thay đổi sự thỏa thuận (một phần hoặc toàn bộ), nhưng thỏa thuận được về vấn đề đã được thỏa thuận trước đó và có tranh chấp, thì Tòa án sẽ áp dụng thủ tục giải quyết vụ án dân sự để giải quyết.

Thứ năm, bổ sung thủ tục trong trường hợp các đương sự có thỏa thuận lại sau khi Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành

BLTTDS nên quy định theo hướng: Nếu Thẩm phán xét thấy thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội thì sẽ lập biên bản về sự thỏa thuận lại của các đương sự, hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành Tòa án ra QĐCNTT của các đương sự.

3.3.2. Kiến nghị về thực hiện pháp luật

3.4.2.1. Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng hòa giải cho đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử.

3.4.2.2. Tăng cường hoạt động hòa giải ở cơ sở

3.4.2.3. Nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân

Kết luận chương 3

Việc hoàn thiện chế định hòa giải phải đi theo hướng xây dựng một chế định pháp luật về hòa giải toàn diện, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm đảm bảo quyền tự định đoạt của các đương sự, góp phần giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các vụ việc dân sự. Luận văn đưa ra một số kiến nghị cơ bản để tiếp tục hoàn thiện chế định pháp luật hòa giải. Đồng thời, để nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải các vụ việc dân sự, cần tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Thẩm phán, Thư ký Tòa án, để đội ngũ cán bộ không chỉ nắm vững pháp luật mà còn thông thạo về kỹ năng nghiệp vụ, hiểu biết sâu sắc về xã hội và nắm được tâm lý của các đương sự. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó chú trọng phổ biến các quy định về hòa giải, giúp nhân dân nắm được những quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ của mình, chủ động hòa giải khi có các tranh chấp xảy ra; nhằm góp phần củng cố khối đoàn kết cộng đồng.

KẾT LUẬN

Chế định hòa giải là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình hòa giải các vụ việc dân sự, theo đó, Tòa án tiến hành hòa giải giúp các đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Những quy định về hòa giải là cơ sở để các cơ quan Tòa án tiến hành hòa giải nhằm bảo đảm quyền tự định đoạt của đương sự trong quá trình giải quyết các tranh chấp, mà còn thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Mọi thỏa thuận về giải quyết vụ án phải do chính các đương sự tự nguyện quyết định, không một ai có bất cứ hình thức nào can thiệp, cưỡng ép các đương sự trong quá trình hòa giải. Điều chỉnh hòa giải cần phải có một hệ thống cơ sở pháp lý bao gồm các quy định của pháp luật nội dung, hình thức, những người trực tiếp giải quyết vụ việc dân sự và

quan trọng là chế định hòa giải, bao gồm một nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa Tòa án và các đương sự trong quá trình hòa giải các vụ việc dân sự. Mức độ hoàn thiện của chế định hòa giải được thể hiện qua sự hoàn thiện về cả mặt nội dung và hình thức của chế định.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy chế định hòa giải đã bộc lộ những bất cập và tồn tại trước yêu cầu của hoạt động xét xử. Hệ thống các quy phạm pháp luật hòa giải còn thiếu tính thống nhất, toàn diện, chưa được xây dựng ở một trình độ lập pháp cao, một số quy định chưa cụ thể, chung chung, mâu thuẫn, do đó dẫn đến việc hiểu và áp dụng không thống nhất, hạn chế chất lượng và hiệu quả của công tác hòa giải của Tòa án.

Mặt khác, trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp đổi mới đất nước đang diễn ra sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thúc đẩy sự phát triển, đan xen giữa các giao lưu dân sự, kinh tế. Việc hoàn thiện chế định hòa giải nói riêng và pháp luật TTDS nói chung là yêu cầu cấp thiết trước sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội.

Việc hoàn thiện chế định hòa giải phải đi theo hướng xây dựng một chế định pháp luật về hòa giải toàn diện, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm đảm bảo quyền tự định đoạt của các đương sự, góp phần giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các vụ việc dân sự.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải các vụ việc dân sự, cần hoàn thiện các quy định hòa giải đảm bảo tính thống nhất, toàn diện, phù hợp, hiệu quả và đặc biệt cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác xét xử nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó chú trọng việc bồi dưỡng kỹ năng hòa giải, trau dồi kinh nghiệm trong hoạt động hòa giải, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự. Đồng thời, kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ hòa giải ở cơ sở, tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân để mọi người hiểu và nắm được quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Khi có các tranh chấp xảy ra, các đương sự có thể tự thương lượng hoặc thông qua các Tổ hòa giải ở cơ sở, TAND các cấp,... để thỏa thuận với nhau về việc giải quyết các tranh chấp, qua đó cũng phát huy quyền làm chủ của nhân dân và tăng cường sự đoàn kết giữa nhân dân trong xã hội.